TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18/03/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến, bà Lê Thị Minh Khánh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 18/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68 /2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc "Ly hôn";

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST ngày 06/01/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐ-ST ngày 15/02/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
(Xin vắng mặt tại phiên tòa)
*** Bị đơn:** Chị Chen Pei C, sinh ngày 14/3/1978.
Địa chỉ: Số 9, ngõ T, đường Đ, khóm 8, Đ, khu Đ, thành phố Đài Trung, Đài Loan.
(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là anh Phùng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chen Pei C đăng ký kết hôn tại UBND

huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 06/7/2018. Trong thời gian chị Chen Pei C sang Việt Nam để làm thủ tục kết hôn có chung sống với nhau từ ngày 18/06/2018 đến ngày 08/7/2018. Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang thì chị Chen Pei C trở về Đài Loan tiếp tục công việc. Sau khi kết hôn vì mỗi người ở một quốc gia không thể sống cùng với nhau cho nên hầu như không có liên lạc dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và sau đó anh đã mất liên lạc với chị Chen Pei C từ khoảng tháng 02/2019 đến nay và không có cách nào để liên lạc được với chị Chen Pei C. Nay xác định tình cảm không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chen Pei C.

- Về con chung: Anh và chị Chen Pei C không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có tài sản chung và công nợ chung.

* Bị đơn là chị Chen Pei C có địa chỉ tại Đài Loan, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 21/UTTPDS-TA5 ngày 18/5/2020 gửi Bộ Tư pháp về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật (Hồ sơ ủy thác tư pháp số 20/UTTPDS-TA5 ngày 18/5/2020).

Tại công văn số 3413/BTP-PLQT ngày 31/12/2020 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: *"Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1090066623 ngày 20/11/2020 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 20/UTTPDS-TA5 ngày 18/5/2020 đối với đương sự Chen Pei C có địa chỉ tại lãnh thổ Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 09/11/2020 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người làm thuê của đương sự.*

Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo để Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền".

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Chen Pei C không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn T, chị Chen Pei C cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phùng Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Chen Pei C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của anh Phùng Văn T ; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì anh Phùng Văn T chấp hành đúng quy định pháp luật, chị Chen Pei C không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Phùng Văn T được ly hôn chị Chen Pei C ;

+ Về con chung: Anh Phùng Văn T khai không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh Phùng Văn T khai không có tài sản chung và công nợ chung nên đề nghị HĐXX không giải quyết;

+ Về chi phí tố tụng: anh Phùng Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phùng Văn T là công dân Việt Nam, cư trú tại thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện anh Phùng Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Chen Pei C. Chị Chen Pei C là công dân có quốc tịch: Trung Quốc hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cư trú tại địa chỉ: Số 9, ngõ T, đường Đ, khóm 8, Đ, khu Đ, thành phố Đài Trung, lãnh thổ Đài Loan. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "ly hôn" có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Anh Phùng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Chen Pei C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt anh Phùng Văn T và chị Chen Pei C.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Phùng Văn T và chị Chen Pei C kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện L tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 06/7/2018. Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang chị Chen Pei C trở về Đài Loan tiếp tục công việc của mình. Sau khi kết hôn vì mỗi người ở một quốc gia không thể sống cùng với nhau cho nên hầu như không có liên lạc dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và sau đó anh Phùng Văn T đã mất liên lạc với chị Chen Pei C từ khoảng tháng 02/2019 đến nay và không có cách nào để liên lạc được. Nay anh Phùng Văn T xác định tình cảm vợ chồng với chị Chen Pei C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Phùng Văn T và chị Chen Pei C là hợp pháp. Hiện nay chị Chen Pei C và anh Phùng Văn T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc.Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Phùng Văn T, chị Chen Pei C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phùng Văn T và chị Chen Pei C được xác định là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Phùng Văn T được ly hôn chị Chen Pei C .

[4]. Về con chung: Anh Phùng Văn T trình bày không có con chung không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh Phùng Văn T khai chị và chị Chen Pei C không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Phùng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phùng Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000688 ngày 12/06/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phùng Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Anh Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000903 ngày 17/03/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phùng Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn T được ly hôn chị Chen Pei C .

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: Anh Phùng Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000662 ngày 18/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phùng Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000688 ngày

12/06/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phùng Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Anh Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000903 ngày 17/03/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phùng Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Chen Pei C cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Phùng Văn T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
-UBND huyện L ;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Y, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ong Thân Thắng